

Số: 1752/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chỉ định phòng thử nghiệm**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BTTTT ngày 13/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chỉ định phòng thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định phòng thử nghiệm:

**Phòng đo kiểm**

**thuộc Trung tâm Dịch vụ Viễn thông SPT (STS)**

với phạm vi được chỉ định kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng thử nghiệm được chỉ định theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Viễn thông SPT, phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để p/h);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để t/h);
- Lưu: VT, KHCN.



**Nguyễn Minh Hồng**

## PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số *AF52* /QĐ-BTTTT ngày *21* tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

### 1. Thông tin về phòng thử nghiệm:

Tên: Phòng đo kiểm thuộc Trung tâm Dịch vụ Viễn thông SPT (Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300849034-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28/07/2014.

Địa chỉ: Số 10 Cô Giang, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Phạm vi được chỉ định:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Quy định kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Dịch vụ viễn thông</b>	
1	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất <sup>(1)</sup>	QCVN 35:2011/BTTTT
2	Dịch vụ điện thoại trên mạng di động mặt đất công cộng <sup>(2)</sup>	QCVN 36:2011/BTTTT
3	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định <sup>(3)</sup>	QCVN 34:2014/BTTTT
4	Hệ thống báo hiệu số 7	TCVN 8690:2011
<b>II</b>	<b>Công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông</b>	
5	Trạm truyền dẫn phát sóng vô tuyến điện (phát thanh, truyền hình) <sup>(4)</sup>	QCVN 09:2010/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT
6	Trạm truyền dẫn phát sóng vô tuyến điện <sup>(4)</sup>	QCVN 09:2010/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT
7	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS) <sup>(4)</sup>	QCVN 09:2010/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT QCVN 08:2010/BTTTT

#### Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 35:2011/BTTTT;

<sup>(2)</sup> Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 36:2011/BTTTT;

<sup>(3)</sup> Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 34:2014/BTTTT;

<sup>(4)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu tiếp đất chống sét và tiếp đất bảo vệ của QCVN 9:2010/BTTTT.

